

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/DS-ST
Ngày: 07-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Vững

Bà Hà Thị Mai Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLST-DS, ngày 23/01/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng L, sinh năm 1977, địa chỉ: ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh A.

Bị đơn: Bà Võ Thị Thu N, sinh năm 1960, địa chỉ: ấp P, xã K, huyện G, tỉnh A.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Tô Vũ P, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh A.

Người làm chứng:

A Anh Phạm Văn Nguyệt T, sinh năm 1983, cư trú: ấp P, xã K, huyện G, tỉnh

A. Chị Phạm Thị Nguyệt T1, sinh năm 1986; cư trú: ấp P, xã K, huyện G, tỉnh

Ông Võ Thành L, sinh năm 1954, địa chỉ: ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh A.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng L trình bày:

Bà Võ Thị Hồng L và bà Võ Thị Thu N quen biết nhau do bà N đi xe ôm của cha bà L. Do đó, trước năm 2015 thì bà L có cho bà N vay tiền nhiều lần, khoảng 5- 6 lần, mỗi lần khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng, không có thỏa thuận thời gian cho vay vì bà N nói khi nào mẹ bà N ở nước ngoài chuyển tiền về thì bà N sẽ trả cho bà. Khi vay thì bà N nói là để trả nợ bên ngoài và lo cho em của bà N ở tù ra, trả nợ mua xe của em trai bà N. Trong suốt thời gian vay thì bà N chỉ trả được khoảng 3 tháng tiền lãi, thời gian cụ thể việc giao nhận tiền giữa bà và bà N không có làm giấy tờ và bà cũng không nhớ cụ thể số tiền, cũng như ngày tháng mỗi lần giao nhận tiền.

Trong các lần mượn tiền thì có lần bà N mượn 70.000.000 đồng nên bà có yêu cầu bà N ký tên vào Đơn xin mượn tiền ngày 24/5/2016 AL (tức ngày 28/6/2016 DL). Sau khi hòa giải tại Tòa án thì bà về tìm giấy tờ mới thấy Đơn xin mượn tiền 3, do đó bà nộp sau Đơn xin mượn tiền 1, 2. Phần nội dung trong đơn là do bà ghi, phần *“đã đọc và đồng ý, trong vòng một năm tôi sẽ hoàn trả đủ nếu không sẽ chịu hoàn toàn trước pháp luật. Ký tên Võ Thị Thu N 24-5al 2016”* là do bà N ghi và ký tên.

Vào khoảng tháng 6/2015, bà N nói là bị vỡ nợ nên không có khả năng trả tiền cho bà nên bà N xin để con bà N trả trước số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại bà N nói sẽ bán đất trả. Khi đó, tổng cộng số tiền bà N vay của bà là 157.000.000 đồng, bà N trả được 30.000.000 đồng nên còn lại 127.000.000 đồng. Do chờ bà N bán đất lâu quá nên ngày 01/6/2016 bà yêu cầu bà N ký tên vào giấy nợ gồm:

- Đơn xin mượn tiền 1: có nội dung trong đơn là do bà viết, với số tiền bà N mượn là 127.000.000 đồng, còn bà N ký và ghi họ tên. Đơn này được viết tại nhà bà L vào ngày 01/6/2016. Lý do màu mực ghi nội dung trong đơn và màu mực ghi số tiền khác nhau là do bà không để ý viết bằng 2 cây viết khác nhau, bà xác định là ghi trong cùng 1 lần. Trong đơn xin mượn tiền này bà N hứa sau 1 năm kể từ ngày 01.6.2016 sẽ trả cho bà số tiền còn nợ.

- Đơn xin mượn tiền 2: có nội dung trong đơn cũng do bà viết, số tiền bà N mượn 152.000.000 đồng bao gồm tiền vốn 127.000.000 đồng của Đơn xin mượn tiền 1 và tiền lãi là 25.000.000 đồng (20% năm), tiền lãi tính từ ngày 01.6.2016 đến ngày 01.06.2017 do bà N xin trả 01 năm. Lý do màu mực ghi nội dung trong đơn và màu mực ghi số tiền khác nhau là do bà không để ý nên viết bằng 2 cây viết khác nhau, bà xác định là ghi trong cùng 1 lần. Khi đó bà N có đưa cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao không chứng thực) do bà N cùng con trai đứng tên cho bà giữ cùng bản sao giấy chứng minh nhân dân của bà N. Cuối đơn thì bà N có ký và ghi họ tên. Lý do viết Đơn mượn tiền 2 là do khi viết Đơn xin mượn tiền 1 thì bà N không đồng ý trả tiền lãi nên chỉ ghi 127.000.000 đồng, sau đó 02 bên thương lượng lại thì bà N đồng ý trả lãi trong 01 năm là 25.000.000 đồng từ ngày 01/6/2016 đến ngày 01/06/2017 và bà N có xin thêm tới tháng 11-12/2017 sẽ trả tổng cộng 152.000.000 đồng nên bà N ghi thêm *“thêm 02 tháng nữa 11-12”*. Sau khi viết xong Đơn xin mượn tiền 2 thì bà không có bỏ Đơn xin mượn

tiền 1 mà giữ lại cả 02. Bà xác định 02 đơn xin mượn tiền là viết cùng 01 ngày 01/6/2016.

Việc bà N đến nhà trả tiền lãi, cũng như ký giấy mượn tiền thì không có ai biết, cũng không có ai chứng kiến, chỉ có bà và bà N. Do đến hạn bà N không trả nợ nên bà khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền tổng cộng 152.000.000 đồng.

Công việc của bà L là làm nội trợ, chồng bà thu mua ve chai, số tiền bà cho bà N vay trong đó có 70.000.000 đồng là tiền của vợ chồng bà, còn lại là do bà mượn của em ruột bà để cho bà N vay. Khi cho bà N vay thì chồng bà Tô Vũ P có biết khoảng 1-2 lần đầu, sau đó thì chồng bà không biết bà cho bà N vay số tiền là bao nhiêu. Bà chỉ cho bà N vay tiền, các con bà N không có tham gia vay tiền và cũng không biết.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị Hồng L trình bày: Bà L bắt đầu cho bà N vay tiền khoảng tháng 3, 4, 5 năm 2016 âm lịch (AL), bà không nhớ chính xác thời gian. Bà N vay tiền khoảng 5-6 lần, mỗi lần khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng. Khi vay bà N có trả lãi được 1-2 tháng. Đến ngày 24-5-2016 AL thì số tiền bà N vay được tổng cộng là 70.000.000 đồng nên bà có yêu cầu bà N ký tên vào Đơn xin mượn tiền 3, do những lần trước không có làm giấy tờ. Từ ngày 24-5-2016 đến ngày 01-6-2016 AL thì bà N vay thêm tổng cộng là 157.000.000 đồng, ngày 01-6-2016 thì bà N có đưa cho ông L là cha của bà để trả bớt số tiền là 30.000.000 đồng và xin trả dần đối với số tiền còn lại. Cũng trong ngày 01-6-2016, sau khi trả được 30.000.000 đồng thì bà N đến nhà bà để ký 02 Đơn xin mượn tiền 1, 2. Bà N đến vay tiền của bà thời gian rất ngắn, chỉ khoảng 1-2 tháng thì bà N trả trước 30.000.000 đồng và xin trả phần còn lại trong vòng 01 năm sau. Sau khi bà N ký đơn xin mượn tiền thì bà đợi đến ngày 01-6-2017 nhưng bà N không trả cho bà mà bà được biết bà N bán đất nên bà mới khởi kiện đến Tòa án. Nay bà chỉ khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền là 50.000.000 đồng theo như Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc vì số tiền này là bà mượn của em gái bà để cho bà N vay.

Tại các biên bản hòa giải, bản tự khai, bị đơn bà Võ Thị Thu N trình bày:

Bà N xác định lời khai của bà Võ Thị Hồng L là không đúng sự thật. Khoảng năm 2015, bà có vay tiền của bà L nhưng mỗi lần vay chỉ khoảng 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, với lãi suất là 30%/tháng (1.000.000 đồng thì tiền lãi là 300.000 đồng). Bà vay đến tháng 6/2015 thì số tiền vốn là khoảng 20.000.000 đồng, tiền lãi khoảng 20.000.000 đồng. Mỗi lần đến mượn tiền và trả tiền lãi thì không có làm giấy tờ, cũng không có ai chứng kiến hay biết sự việc. Bà không nhớ cụ thể số tiền mỗi lần mượn, cũng như số tiền lãi đã trả cụ thể. Do tiền lãi quá cao nên bà không có khả năng trả nữa thì con bà là Phạm Văn N T mới vay tiền để trả dùm cho bà. Khi trả thì bà có kêu cha của bà L là ông Võ Thành L đến và con gái của bà đưa tiền trực tiếp cho ông L là 20.000.000 đồng, còn tiền lãi bà đưa cho ông L là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng, bà chỉ còn nợ tiền lãi khoảng 3.000.000 đồng, bà xin bà L bỏ số tiền trên nhưng bà L không đồng ý mà yêu cầu bà phải trả 10.000.000 đồng và bà không đồng ý. Bà không nhớ thời gian trả số tiền 30.000.000 đồng là vào ngày tháng năm nào. Sau đó, bà L hăm dọa

và yêu cầu bà ký tên vào tờ giấy trắng về số tiền lãi còn thiếu là 3.000.000 đồng nên bà cũng đồng ý ký tên vào các Đơn xin mượn tiền sau đây:

- Đơn xin mượn tiền 1: là khoảng tháng 7/2016, sau 05 tháng kể từ ngày bà trả 30.000.000 đồng và còn thiếu 3.000.000 đồng thì bà L có kêu bà ký tên thiếu 3.000.000 đồng và tiền lãi thêm 5 tháng của số tiền 3.000.000 đồng. Bà đồng ý nên ký và viết họ tên của bà ở cuối, bà có ghi nội dung “*Đã đọc và đồng ý*”. Nhưng nội dung trong đơn phía trên là do bà L viết sau này vì thời điểm bà ký tên không có nội dung mà chỉ là giấy trắng.

- Đơn xin mượn tiền 2: khoảng tháng 10/2016, là sau 03 tháng kể từ ngày ký tên vào Đơn xin mượn tiền 1 thì bà L nói là 8 tháng thiếu tiền lãi nên bà cũng đồng ý ký tên và xin thêm 02 tháng nữa, do đó bà có ghi “*thêm 02 tháng nữa, tháng 11-12*”

Do đó, nay bà L yêu cầu bà trả số tiền 152.000.000 đồng thì bà không đồng ý do bà không có vay số tiền nêu trên. Đối với số tiền lãi 3.000.000 đồng còn thiếu bà cũng không đồng ý trả do bà đã trả tiền lãi quá nhiều cho bà L.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà và con trai bà đứng tên mà bà L có giữ là do bà có ý định bán đất nên bà L nói đưa cho bà L để bà L giới thiệu người mua dùm chứ bà không có hứa hẹn sẽ bán đất trả tiền cho bà L. Việc bà vay tiền của bà L thì các con của bà không biết, do khi cần thì bà đến vay tiền chút ít của bà L chứ không vay số tiền lớn như bà L khai. Các con của bà cũng không có tham gia vay tiền của bà L.

Đối với Đơn xin mượn tiền 3 ngày 24-5-2016: bà xác nhận nội dung phía cuối đơn là do bà viết và ký tên. Đây là tờ giấy bà L đưa cho bà ký lần đầu, sau đó bà L đưa tiếp 02 tờ sau. Khi bà ký tên thì cũng không có nội dung mà chỉ là giấy trắng.

Bà xác định chỉ có mượn bà L số tiền là 20.000.000 đồng và bà đã trả vốn lẫn lãi là 30.000.000 đồng nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà L.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị Thu N trình bày: Bà N xác định vay tiền của bà L vào năm 2015 với số tiền là 20.000.000 đồng. Đến tháng 8/2015, do không có tiền trả nên con của bà là Võ Văn Nguyệt T có vay tiền Ngân hàng để trả dùm cho bà là 37.000.000 đồng cho bà L. Khi giao tiền thì con gái bà là Võ Thị Nguyệt T1 đưa cho ông L 20.000.000 đồng, còn bà đưa cho bà L số tiền là 17.000.000 đồng, tổng cộng là 37.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải của Tòa án, người làm chứng anh Phạm Văn Nguyệt T và chị Phạm Thị Nguyệt T1 thống nhất trình bày: Khoảng năm 2016, anh chị nghe mẹ là bà Võ Thị Thu N có nợ số tiền của bà L nên anh T có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả tiền cho bà L. Anh chị không nhớ chính xác là tháng nào nhưng trong năm 2016 chị T1 có cầm số tiền 20.000.000 đồng đưa cho ông L là cha của bà L để trả cho bà L, số tiền cụ thể bà N vay bao nhiêu thì anh chị không biết cũng không có trực tiếp gặp bà L. Bà N nói là 20.000.000 đồng nên anh chị vay để trả, chị có hỏi thì ông L nói mượn một lần vài triệu, tổng cộng khoảng vài chục triệu. Từ đó đến nay, bà N không có vay tiền của ai.

Tại phiên tòa, người làm chứng anh Phạm Văn Nguyệt T và chị Phạm Thị Nguyệt T1 thống nhất trình bày: Anh chị xác định đã trả tiền cho bà N 20.000.000 đồng vào tháng 8/2015, do anh tìm được giấy nhận nợ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Tháng 8/2015, anh vay số tiền là 140.000.000 đồng để trả cho các chủ nợ mà mẹ anh vay, khoảng 5-6 người, trong đó có bà L. Khi trả thì chị T1 trực tiếp đưa cho ông L số tiền là 20.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải của Tòa án, người làm chứng ông Võ Thanh L trình bày: Khoảng năm 2016, bà N và con ông là bà L có kêu ông đến nhà bà N nhận tiền dùm. Ông có biết giữa bà N và bà L có vay mượn tiền nhưng không biết cụ thể là bao nhiêu. Khi đến nhà bà N thì con gái bà N đưa cho ông số tiền 20.000.000 đồng, bà N đưa cho ông 10.000.000 đồng, tổng cộng ông nhận dùm số tiền là 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Võ Thanh L trình bày: Khoảng năm 2016, bà L có nhờ ông đến nhà bà N nhận tiền dùm. Khi đến nhà bà L thì có chị T1 đưa tiền cho ông, số tiền ông nhận được 30.000.000 đồng. Ông không nhớ là bà N có đưa tiền cho ông hay không nhưng ông xác định là có nhận 30.000.000 đồng để đưa cho bà L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tô Vũ P trình bày: Việc bà N có vay mượn tiền của vợ ông thì ông cũng có nghe nói. Số tiền vay 70.000.000 đồng thì ông có biết nhưng cũng không có quan tâm nhiều. số tiền tổng cộng bà N vay bao nhiêu thì ông không biết. Tiền ông làm thì giao hết cho vợ quản lý nên ông không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, lời trình bày của bà L có mâu thuẫn và không thống nhất về mặt thời gian với quá trình giải quyết vụ án của Tòa án. Ba tờ giấy mượn nợ mà bà L cung cấp tuy bà N có thừa nhận là chữ ký của mình nhưng cả 03 tờ giấy đều có 2 màu mực khác nhau nên chứng cứ này không khách quan nên không có căn cứ để xem xét. Cả hai đương sự cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình tại phiên tòa là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng L buộc bà Võ Thị Thu N trả 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Thu N trả số tiền vay còn nợ nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Tại phiên tòa, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà N trả số tiền là 50.000.000 đồng. Do đó, đình chỉ yêu cầu của bà L đối với số tiền 102.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng L cung cấp 03 đơn xin mượn tiền, trong đó đơn xin mượn tiền 3 nộp sau khi Tòa án tiến hành hòa giải. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, lời khai của bà L có nhiều mâu thuẫn, không thống nhất về thời gian cho vay, số tiền cho vay và thời điểm trả nợ, cụ thể:

3.1 Quá trình hòa giải, bà L trình bày thời gian cho bà N vay tiền là từ trước năm 2015 khoảng 5-6 lần liên tục, mỗi lần khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2018 và tại phiên tòa, bà L lại xác định thời gian cho bà N vay là vào khoảng tháng 3-4-5/2016 AL.

3.2 Tại các biên bản hòa giải của Tòa án, bà L khai: Quá trình vay có 01 lần bà N vay số tiền 70.000.000 đồng nên bà có yêu cầu bà N ký tên vào Đơn xin mượn tiền 3. Sau đó, khoảng tháng 6/2015 thì bà N nói là bị vỡ nợ nên xin trả trước số tiền 30.000.000 đồng và ông L nhận thay cho bà. Sau đó, do chờ bà N bán đất để trả tiếp số tiền còn lại lâu quá nên ngày 01/6/2016 bà mới yêu cầu bà N ký tên vào các Đơn xin mượn tiền 1, 2 để làm tin và chờ bà N trả tiền. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà L lại xác định thời gian vay đến ngày 24-5-2016 AL thì số tiền bà N vay được tổng cộng là 70.000.000 đồng nên bà yêu cầu bà N ký tên vào Đơn xin mượn tiền 3, do những lần trước không có làm giấy tờ. Đến ngày 01/6/2016 thì bà N trả trước số tiền 30.000.000 đồng, cũng trong ngày 01-6-2016 thì bà N đến nhà bà để ký 02 Đơn xin mượn tiền 1, 2 để hẹn 01 năm trả tiền. Từ ngày 24-5-2016 AL (ký Đơn xin mượn tiền 70.000.000 đồng) đến ngày 01-6-2016 AL thì bà N vay thêm 87.000.000 đồng, tổng cộng là 157.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2018, bà L xác định 3 Đơn xin mượn tiền được viết vào các ngày khác nhau.

[4] Mặt khác, tại các Đơn xin mượn tiền 1, 2, 3 có nội dung vay do bà L viết bằng màu mực khác với nội dung ghi số tiền vay và được lặp lại ở cả 3 Đơn xin mượn tiền. Việc thỏa thuận vay được các bên xác nhận là không có người làm chứng, chứng kiến sự việc. Hơn nữa, bà N không thừa nhận có vay số tiền theo các Đơn xin mượn tiền và xác định các Đơn xin mượn tiền được viết sau khi bà ký và ghi họ tên.

[5] Từ những chứng cứ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà L trong quá trình tòa án giải quyết có sự mâu thuẫn, không thống nhất về quá trình cho bà N vay tiền. Mặt khác, chứng cứ mà bà L cung cấp là các Đơn xin mượn tiền lại có màu mực ghi nội dung vay và số tiền khác nhau được lặp lại cả 3 lần. Do đó, bị đơn bà N xác định thời điểm ký tên vào các Đơn xin mượn tiền khi chưa có nội dung là có cơ sở. Ngoài những Đơn xin mượn tiền nêu trên thì nguyên đơn bà L không cung cấp được chứng cứ nào khác thể hiện bà N có vay tiền của bà. Vì vậy không có cơ sở xác định bà N có vay số tiền 152.000.000 đồng của bà L nhưng chưa trả. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng L về việc yêu cầu bà Võ Thị Thu N trả số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Hồng L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng L về việc yêu cầu bà Võ Thị Thu N trả số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng.

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Võ Thị Hồng L đòi bà Võ Thị Thu N số tiền 102.000.000 đồng.

[3] Án phí: Bà Võ Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 2.500.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 3.800.000 theo biên lai thu số 5953 ngày 19/01/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang án phí 2.500.000 đồng. Hoàn lại tiền thừa cho bà L là 1.300.000 đồng.

[4] Án sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Thảo